

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 560/2022/LĐ-PT

Ngày: 08/9/2022

V/v Tranh chấp về đơn phương  
chấm dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**▣ *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Quỳnh Anh

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Phan Nguyên Nguyên

▣ ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Hoa Thiên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

▣ ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, số 1400 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số 36/LĐ-PT ngày 10/8/2022 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 22/2022/LĐ-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4485/2022/QĐPT-LĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông H, sinh năm 1989; địa chỉ: Căn hộ 14.02 Block A2, Chung cư H, số 40 đường D, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Q, sinh năm 1982; địa chỉ: Căn hộ 5.23, Chung cư F, Khu phố 6, phường P, thành phố T (số cũ: Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2021). (có mặt)

*Bị đơn:* Công ty N; địa chỉ: No.388 E, 24th F, S Road, K District, B, Thailand; địa chỉ Văn phòng đại diện tại Việt Nam: Phòng 13, Lầu 7, Tòa nhà S, số 33ter-33bis đường M, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông H2, sinh năm 1990; địa chỉ: Tòa nhà L, số 9 khu nhà 284 đường N, Phường 10, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 01/2021/UQ-TA ngày 22/6/2021). (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông C, sinh năm 1986 – Luật sư của Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 15/12/2020 cùng các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông H và người đại diện theo ủy quyền là bà Q trình bày:

Ngày 29/8/2018, ông H và Công ty N (do ông M làm giám đốc đại diện – sau đây gọi tắt là Công ty N) ký kết Hợp đồng lao động số VN201409-01 không xác định thời hạn; thời gian làm việc bắt đầu tính từ ngày 18/9/2018; vị trí công việc: Trưởng Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh; mức lương thực lãnh là 23.200.000 đồng/tháng (Mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 25.194.400 đồng/tháng).

Quá trình làm việc, Công ty cấp cho ông H một tài khoản thư điện tử (email): [h@na.c.v](mailto:h@na.c.v), mật khẩu truy cập hộp thư do bộ phận IT của Công ty N tạo và lưu tự động trên máy tính cấp cho ông H để làm việc và thực hiện báo cáo công việc của văn phòng đại diện qua hộp thư của ông T có tài khoản là: [m.t@n.c.j](mailto:m.t@n.c.j). Trong năm 2018 và 2019, ông H đã giúp Công ty N phát triển tốt thương hiệu, doanh số bán hàng tại Việt Nam.

Ngày 18/12/2019, ông T bất ngờ thông báo và đưa cho ông H bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động ghi ngày 16/12/2019 đề nghị ông H ký nhưng ông H không đồng ý nên không nhận mà chỉ chụp lại văn bản này. Nội dung văn bản đề nghị chấm dứt hợp đồng lao động này tiếp tục được thể hiện tại nội dung thư điện tử ngày 31/12/2019 do Công ty Luật L gửi đến ông H.

Ngày 25/12/2019, ông T yêu cầu ông H bàn giao các vật dụng và trang thiết bị làm việc tại văn phòng như: chìa khóa, thẻ từ, máy tính xách tay, con dấu văn phòng đại diện và con dấu Công ty N. Sau đó, ông H không được phép trở lại văn phòng đại diện làm việc, không truy cập được vào tài khoản email [h@na.c.v](mailto:h@na.c.v) nữa.

Ngày 31/12/2019, Công ty Luật L gửi thư đến hộp thư cá nhân của ông H ([g@g.c](mailto:g@g.c)) và tự nhận là luật sư của Công ty N nhưng không cung cấp thư chỉ định hoặc ủy quyền; nội dung thư đề nghị ông H chấm dứt hợp đồng lao động với lý do mối quan hệ giữa ông H và Công ty N không còn được tốt. Ông H không đồng ý, đồng thời nhiều lần gửi thư phản hồi cho ông T qua hộp thư [m.t@n.c.j](mailto:m.t@n.c.j) và các nhân sự cấp cao khác của công ty mẹ tại Nhật Bản vào các ngày 20/12/2019, 06/01/2020, 07/01/2020, 15/01/2020 và 03/02/2020 với yêu cầu được bố trí công việc vì hợp đồng lao động vẫn còn hiệu lực. Trong thời gian chờ Công ty N phản hồi, ông H vẫn đến văn phòng để làm việc nhưng không

vào được vì không có ai mở cửa. Mặt khác, Công ty N cũng đã thông báo cho ban quản lý tòa nhà là ông H không còn là nhân viên của Công ty N.

Ngày 11/6/2020, ông H gửi đơn đến Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu hòa giải với mong muốn giải quyết tranh chấp với Công ty N theo đúng quy định pháp luật về lao động nhưng Công ty N vắng mặt. Ông H cũng phát hiện ra Công ty N đã thực hiện đăng ký thay đổi Trưởng văn phòng đại diện mà không thông báo cho ông H biết.

Đến ngày 13/7/2020, ông H nhận được thư trong đó có “Đơn tố cáo” do Công ty N gửi đến các cơ quan cảnh sát điều tra với nội dung tố cáo ông H vi phạm pháp luật hình sự.

Ngày 18/8/2020, Công ty N gửi thư điện tử mời ông H đến để giải quyết việc ông H tự ý nghỉ việc từ ngày 07/01/2020. Ông H đã phản hồi cho Công ty N là không đến với lý do nội dung mời làm việc của Công ty N không đúng thực tế. Sau đó, hai bên có 02 lần trao đổi thêm qua thư điện tử về việc Công ty N tiếp tục mời ông H đến văn phòng để họp nhưng không có sự thống nhất.

Ngày 15/9/2020, ông H được thông báo việc Công ty N đã báo nghỉ và chốt sổ đóng bảo hiểm xã hội cho ông H đến tháng 09/2020.

Trong thời gian ông H không được làm việc thì Công ty N đã có những hành động không phù hợp đối với ông H và gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, danh dự và sức khỏe tinh thần của ông H và gia đình, cụ thể như sau: Ngày 10/12/2019, ông T trực tiếp điện thoại cho vợ ông H (thời điểm vừa sinh con được 03 ngày) để thông báo không đúng sự thật về những việc xảy ra trong công ty làm ảnh hưởng đến sức khỏe của vợ ông H cũng như hạnh phúc gia đình trong thời gian dài; Ngày 31/12/2019, ông H nhận được “Thư yêu cầu” từ Công ty Lê & Trần cho rằng ông H đã vi phạm pháp luật khi có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của ông T và bà Đỗ Phương Th (nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện); đồng thời, lấy lý do này để thúc ép ông H tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty N.

Nhận thấy Công ty N đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là trái pháp luật, ngăn cản quyền làm việc của ông H nên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, ông H khởi kiện yêu cầu buộc Công ty N phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 41, Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Q yêu cầu Công ty N phải thực hiện nghĩa vụ do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông H:

- Nhận ông H trở lại làm việc theo đúng nội dung Hợp đồng lao động đã ký ngày 29/8/2018;

- Trả tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 01/01/2020 cho đến khi nhận trở lại làm việc theo mức lương 23.200.000

đồng/tháng (mức lương còn lại sau khi người lao động đã trích đóng bảo hiểm xã hội 10,5%), tạm tính số tiền là: 644.323.000 đồng;

- Truy đóng bổ sung Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 10/2020 cho đến ngày nhận ông H trở lại làm việc theo mức lương làm căn cứ đóng là 25.914.400 đồng/tháng (bao gồm trách nhiệm của người lao động và người sử dụng lao động);

- Bồi thường 02 tháng tiền lương theo mức lương 25.914.400 đồng số tiền là: 51.828.800 đồng;

- Trả tờ rời sổ Bảo hiểm xã hội trong thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2020.

Bổ sung yêu cầu buộc Công ty N phải trả tiền lương 12 ngày phép năm 2019 chưa nghỉ số tiền là 14.135.000 đồng.

Tổng các khoản tiền Công ty N phải thanh toán cho ông H là 711.286.800 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông H mong muốn trở lại làm việc. Trường hợp Công ty N không bố trí lại chức vụ trưởng văn phòng đại diện cho ông H thì hai bên sẽ thương lượng sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động theo quy định pháp luật.

Tại đơn phản tố ngày 03/02/2021, đơn sửa đổi yêu cầu phản tố ngày 04/6/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Công ty N do người đại diện theo ủy quyền là ông H2 trình bày:

Công ty N và ông H có ký kết Hợp đồng lao động số VN201409-01 ngày 29/8/2018, loại hợp đồng không xác định thời hạn; các nội dung khác của hợp đồng đúng như phía ông H trình bày. Công ty N đã trả lương cho ông H đến tháng 12/2019. Ông H tự ý nghỉ việc không đến Văn phòng đại diện làm việc từ ngày 07/01/2020 nên Công ty N không trả lương kể từ tháng 01/2020, tuy vậy Công ty N vẫn có thiện chí duy trì đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông H đến tháng 9/2020. Đối với tờ rời chốt sổ bảo hiểm Công ty N sẽ giao trả cho ông H.

Trong quá trình ông H làm việc tại Văn phòng đại diện có xảy ra mâu thuẫn do ông H thành lập một doanh nghiệp khác cùng lĩnh vực kinh doanh với Công ty N có tên là Công ty S và để mẹ ruột là bà L đứng tên. Thực tế, ông H là người trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty S, cụ thể thông qua mạng internet, Công ty N tìm thấy hồ sơ xin việc có nội dung: “Người tham khảo: H – Công ty S, email: [g@g.c](mailto:g@g.c), số điện thoại: 0905335.799, chức vụ: Giám đốc điều hành”. Ngày 12/6/2019, Công ty N phát hiện Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) gửi thư thông qua hộp thư điện tử [h@na.c.v](mailto:h@na.c.v) (do Công ty cấp cho ông H sử dụng làm việc) để mua 50.000 – 100.000 bóng đèn LED dân dụng, cùng ngày ông H đã chuyển tiếp thông tin khách hàng và đơn hàng đến địa chỉ hộp thư cá nhân của mình là [g@g.c](mailto:g@g.c) mà không thông báo cho Công ty N biết. Hành vi này của ông H là tiết lộ thông tin bí mật của Công ty N cho Công ty S, là vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin được quy định tại Điều 3 (trang 3) của Hợp đồng lao động và quy định tại Điều 130 của Bộ luật Lao động 2012, gây thiệt hại cho Công

ty N là 32.000 USD tương đương 748.320.000 đồng (theo tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ngày 12/6/2019 là 23.385 đồng/1 đô la Mỹ); đồng thời trong khoảng thời gian này, ông H đã có những hành vi vu khống, xúc phạm danh dự ông T và bà Th (là nhân viên làm việc cùng văn phòng đại diện với ông H) nhưng ông H không nhận thức được việc làm sai trái này. Sau khi xảy ra sự việc trên, Công ty N đã thay đổi mật khẩu truy cập hộp thư cấp cho ông H và trực tiếp kiểm soát hoạt động của văn phòng đại diện.

Công ty N không ban hành bất kỳ thông báo hay quyết định nào về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông H. Do đó, không có cơ sở để ông H khởi kiện Công ty N đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông H. Mặt khác, Công ty đã gửi thư mời ông H đến Văn phòng đại diện vào các ngày 26/8/2020, 09/9/2020 và 22/9/2020 để giải quyết quan hệ lao động nhưng ông H vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 37 và Điều 41 của Bộ luật Lao động 2012, hành vi tự ý bỏ việc mà không thông báo của ông H là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Do đó, Công ty N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Đồng thời, Công ty N đã có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố ông H đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động số VN201409-01 ngày 29/8/2018 trái pháp luật kể từ ngày 22/9/2020;

- Buộc ông H phải bồi thường các khoản tiền do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật: gồm  $\frac{1}{2}$  tháng tiền lương là 11.600.000 đồng; tiền vi phạm thời hạn báo trước là 23.200.000 đồng/22 ngày x 45 ngày = 47.454.000 đồng;

- Buộc ông H phải bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ bảo mật theo quy định của Hợp đồng lao động với số tiền là 748.320.000 đồng (tương đương 32.000 USD x tỷ giá 23.385 đồng/USD của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ngày 12/6/2019);

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty N xin rút yêu cầu buộc ông H bồi thường thiệt hại số tiền 748.320.000 đồng; giữ nguyên các yêu cầu phản tố còn lại nêu trên.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 22/2022/LĐ-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H:

- Buộc Công ty N phải nhận ông H trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động đã ký ngày 29/8/2018. Khi cần thiết hai bên thương lượng để sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động theo quy định pháp luật.

- Buộc Công ty N phải thanh toán cho ông H tổng số tiền: 696.151.800 đồng (bao gồm: Tiền lương từ tháng 01/2020 đến ngày 26/4/2022 là 644.323.000 đồng; tiền bồi thường 02 tháng lương là 51.828.800 đồng). Công ty N có nghĩa vụ thanh toán tiền lương kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông H được nhận trở lại làm việc.

- Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty N chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì Công ty N còn phải chịu tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc Công ty N phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông H kể từ tháng 10/2020 cho đến khi nhận trở lại làm việc.

- Ghi nhận Công ty N đồng ý trả lại tờ rời xác nhận đóng bảo hiểm xã hội đến tháng 9/2020 cho ông H.

2. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của ông H đòi Công ty N thanh toán số tiền 14.135.000 đồng.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu phản tố của Công ty N yêu cầu tuyên bố ông H đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật kể từ ngày 22/9/2020 và bồi thường số tiền 59.054.000 đồng.

4. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu phản tố của Công ty N yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại số tiền 748.320.000 đồng.

5. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông H được miễn tiền án phí lao động sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện bị đình chỉ giải quyết.

Công ty N phải chịu án phí lao động tổng số tiền là 19.694.656 đồng (Mười chín triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.073.740 đồng (Mười triệu không trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng số AA/2019/0030478 ngày 02/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1. Công ty N còn phải đóng số tiền án phí là 9.620.916 đồng (Chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn chín trăm mười sáu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/5/2022, Công ty N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Q và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông H2 thống nhất thỏa thuận:

- Công ty N và ông H chấm dứt hợp đồng lao động số VN201409-01 ký kết ngày 29/8/2018 kể từ ngày 01/01/2020.

- Công ty N đồng ý bồi thường cho ông H số tiền 696.151.800 đồng; hai bên giao nhận tiền vào ngày 08/9/2022. Ông H và Công ty N không còn yêu cầu gì khác liên quan đến hợp đồng lao động số VN201409-01 ký kết ngày 29/8/2018 giữa Công ty N và ông H.

- Án phí lao động sơ thẩm do Công ty N chịu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào nội dung thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Bản án sơ thẩm số 22/2022/LĐ-ST của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 26/4/2022. Ngày 04/5/2022, bị đơn kháng cáo với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy việc các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 và Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Do công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên cấp sơ thẩm không có lỗi trong việc sửa án sơ thẩm.

Án phí lao động sơ thẩm do bị đơn chịu.

Án phí lao động phúc thẩm là 300.000 đồng do bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Tuyên xử :**

1. Sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 22/2022/LĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2.** Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu của ông H yêu cầu Công ty N thanh toán số tiền 14.135.000 đồng (mười bốn triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

**3.** Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của Công ty N đối với ông H về việc bồi thường thiệt hại số tiền 748.320.000 đồng (bảy trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm hai mươi nghìn đồng).

**4.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

**4.1** Công ty N và ông H chấm dứt hợp đồng lao động số VN201409-01 ký kết ngày 29/8/2018 kể từ ngày 01/01/2020.

**4.2** Công ty N có nghĩa vụ trả lại tờ rời bảo hiểm xã hội (từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2020) và bồi thường cho ông H số tiền 696.151.800 đồng (sáu trăm chín mươi sáu triệu một trăm năm mươi một nghìn tám trăm đồng). Ông H và Công ty N không còn tranh chấp gì khác liên quan đến hợp đồng lao động số VN201409-01 ngày 29/8/2018.

**4.3** Hai bên đã thực hiện xong việc giao nhận số tiền 696.151.800 đồng (sáu trăm chín mươi sáu triệu một trăm năm mươi một nghìn tám trăm đồng) và tờ rời bảo hiểm xã hội của ông H (chốt đến tháng 9/2020).

**5.** Án phí lao động sơ thẩm: Công ty N tự nguyện chịu là 17.923.036 đồng (mười bảy triệu chín trăm hai mươi ba nghìn không trăm ba mươi sáu đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.073.740 đồng (mười triệu không trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng số AA/2019/0030478 ngày 02/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty N còn phải nộp số tiền chênh lệch là 7.849.296 đồng (bảy triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm chín mươi sáu đồng).

**6.** Án phí lao động phúc thẩm: Công ty N phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng số AA/2021/0005794 ngày 11/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty N đã nộp đủ tiền án phí lao động phúc thẩm.

**7.** Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ thi hành án tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

**8.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**



- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 1;
- Cục Thi hành án dân sự Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu (14).

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Quỳnh Anh**